

Bản án số: 706/2020/DS-PT

Ngày 29 tháng 12 năm 2020

*V/v “Đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn ở nhờ; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Ông Chung Văn Kết.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2020 về việc: *“Đòi lại quyền sử dụng đất cho mượn ở nhờ; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất”.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2020/DS-ST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sbj kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4094/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H:* Ông Cô Văn H, sinh năm 1983, có mặt.

Địa chỉ: ấp Phú Lợi A, xã Phú Thuận B, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (Theo văn bản ủy quyền ngày 27-7-2020).

*Người bảo vệ quyền và lợi hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Lư Thị Ngọc – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

**2. Bị đơn:**

**2.1.** Ông Cô Văn H1, sinh năm 1982, có mặt.

2.2. Ông Cô Văn L, sinh năm 1978, có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng, vắng mặt.

Địa chỉ: số 18 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

3.2. Bà Hồ Thị N, sinh năm 1982, có mặt.

3.3. Em Cô Văn T, sinh năm 2000, vắng mặt.

3.4. Em Cô Văn Quới, sinh năm 2004, người giám hộ cho Cô Văn Q: Bà Hồ Thị N và ông Cô Văn H1.

3. 5. Bà Thạch Thị V, tên gọi khác: Quel, có mặt.

3.6. Anh Cô Văn T1, sinh năm 1994, vắng mặt.

3.7. Chị Cô Thị L , sinh năm 1994, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Ông Cô Văn M, sinh năm 1967, vắng mặt.

3.9. Bà Trương Thị Mười H, sinh năm 1954, có mặt.

Cùng địa chỉ: ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng

4. *Do có kháng cáo của:* Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2018 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và các lời khai của ông Cô Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Vợ chồng bà Nguyễn Thị H, ông Cô Văn K có thửa đất số 251, tờ bản đồ số 50 diện tích 3.980,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sdo vợ chồng bà khai phá sử dụng từ năm 1982. Đến năm 2002 có cho ông Cô Văn H1 và ông Cô Văn L vào ở nhờ trên đất, mỗi người cất một căn nhà, nhà của ông H1 có chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 11m và nhà của ông L có chiều ngang khoảng 04m, chiều dài khoảng 11m. Sau khi ông Khởi chết, bà H được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/01/2018. Trong thời gian ở nhờ trên đất, ông H1 và ông L gây chuyện và nói đất này là đất của ông, bà để lại nên gia đình bà không có quyền sở hữu đất. Khi con của bà là ông Cô Văn H trồng cây chuối lên mảnh đất này thì ông L nhổ bỏ. Hai bên xảy ra cự cãi.*

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Cô Văn H1 và ông Cô Văn L di dời căn nhà, công trình xây dựng, cây cối để trả lại đất cho bà H thuộc thửa đất số 251, tờ bản đồ số 50 tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

*- Theo đơn yêu cầu phản tố đề ngày 09/5/2018 của bị đơn ông Cô Văn H1, ông Cô Văn L và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị trình bày: Phần*

đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Cô Văn Thuận là ông nội của ông Cô Văn H1, ông Cô Văn L, ông Cô Văn K. Năm 1978 ông Cô Văn Thuận chết, đến năm 2000 hai người bác của ông H1, ông L là ông Cô Văn Nén và ông Cô Văn Hôn đã đồng ý để lại cho Cô Văn Tượng cất nhà ở và sử dụng. Đến năm 2002 thì ông Cô Văn Tượng chia cho mỗi người con một phần đất để cất nhà ở và sinh sống cho đến nay gồm: ông Cô Văn Chiến, ông Cô Văn K, ông Cô Văn M, ông Cô Văn L, ông Cô Văn H1. Vợ chồng ông Cô Văn K, bà Nguyễn Thị H đã tự ý đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/7/2006 cho ông Cô Văn K, bà Nguyễn Thị H với diện tích đất là 4.026m<sup>2</sup>, tại thửa số 2000, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại ấp Đ , xã Trung Bình, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi ông Khởi chết, bà H tiếp tục chuyển quyền sử dụng đất sang tên bà H để chiếm đất.

Ông Cô Văn H1 và ông Cô Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02249/CT490479 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 26/01/2018 với diện tích đất 3.980,7m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu công nhận cho ông Cô Văn H1 phần đất tại thửa số 251 tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, có diện tích 123,06m<sup>2</sup> bao gồm lối đi ra lộ. Yêu cầu công nhận cho ông Cô Văn L phần đất có diện tích 80,25 m<sup>2</sup> tại thửa số 251 tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sbaog gồm lối đi ra lộ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị N; Bà Thạch Thế Ven (Quê); Ông Cô Văn M; Cô Văn T; Cô Văn Quới và Cô Thị L:* Thống nhất với ý kiến của ông Cô Văn H1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Mười H:* Không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Tại văn bản số 2401/STNMT-TTr Ngày 08/11/2018 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến:* Ngày 31-7-2006 ông Cô Văn K (chết năm 2015) và bà Nguyễn Thị H được Ủy ban nhân dân huyện Long Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 834765 đối với phần đất diện tích 4.026m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, thửa số 2000, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp Đ , xã Trung Bình, huyện Long Phú (nay là thửa số 251, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T). Năm 2015 ông Cô Văn K chết, năm 2018 bà Nguyễn Thị H lập thủ tục đăng ký biến động đất đai giảm diện tích (do mở lộ đất), nhận thừa kế và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS02249 ngày 26/01/2018 đối với phần đất nêu trên diện tích sau khi biến động là 3.980,7m<sup>2</sup>. Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Nguyễn Thị H được thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định. Do vậy, yêu cầu của bị đơn là không có cơ sở xem xét, chấp thuận.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DSST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:*

Áp dụng khoản 9 Điều 26; Điều 34, Điều 37; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 29, Điều 244, Điều 27, Điều 273, khoản 1 Điều 147; khoản 1 và khoản 5 Điều

165; Điều 157 và Điều 159 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 98, Điều 106 và Điều 203 của Luật đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc ông Cô Văn H1 và ông Cô Văn L di dời nhà, công trình xây dựng, cây cối trên phần đất cho mượn ở nhờ, là một phần của thửa đất số 251, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong đó:

- Nhà của ông Cô Văn L:

+ Hướng Đông giáp phần đất trống thuộc thửa số 251 có số đo 14,1 mét.

+ Hướng Tây giáp nhà của ông Cô Văn M có số đo 13,5 mét.

+ Hướng Nam giáp ao nước (giếng nước thuộc thửa số 251 có số đo 4,4 mét.

+ Hướng Bắc giáp phần đất trống thuộc thửa 251 (hiện là sân trước nhà của ông L) có số đo 4,5 mét.

- Nhà của ông Cô Văn H1:

+ Hướng Đông giáp phần đất trống thuộc thửa số 251 có số đo 11,9 mét.

+ Hướng Tây giáp phần đất trống và giếng nước thuộc thửa số 251 hiện tại ông H1 làm lối đi ra lộ đất có số đo 3,4 mét + 10,1 mét.

+ Hướng Nam giáp phần đất trống thuộc thửa số 251 có số đo 4,2 mét + 3,3 mét,

+ Hướng Bắc giáp nhà của ông Cô Văn Chiến có số đo 7,7 mét.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Cô Văn H1 và ông Cô Văn L: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: CS02249 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 26/01/2018 với diện tích đất 3.980,7m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Cô Văn H1 và ông Cô Văn Lương về yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất, đối với ông Cô Văn H1 là 123,06m<sup>2</sup> bao gồm sân phía trước nhà; ông Cô Văn L: 80,25m<sup>2</sup> bao gồm sân phía trước nhà, thuộc thửa số 251, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; về chi phí thẩm định, định giá; về án phí dân sự sơ thẩm; về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 25/6/2020 nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm bà H cho rằng mặc dù nguồn gốc đất tranh chấp là của ông nội chồng là ông Cô Văn Thuận sử dụng trước năm 1975 nhưng đến năm 1978 ông Thuận chết đất bị bỏ hoang, năm 1982 vợ chồng bà khai phá và sử dụng liên tục đến năm 2006 vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2018 bà H đã được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có ai tranh chấp.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Cô Văn H1 và ông Cô Văn L di dời căn nhà, công trình xây dựng, cây cối để trả lại đất cho | bà Nguyễn Thị H, phần đất thuộc thửa đất số 251, tờ bản đồ số 50, là một phần trong tổng diện tích đất 3.980,7m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn Cô Văn H1 và ông Cô Văn L không chấp nhận yêu cầu của bà H và yêu cầu công nhận cho gia đình các ông được quyền sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng bao gồm cả phần lối đi và phần sân trước nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của nguyên đơn hợp lệ đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng: Các đương sự đều thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc của ông bà để lại. Bà H khai do vợ chồng bà khai phá từ năm 1982; bị đơn thì cho rằng được cha ruột là ông Cô Văn Tượng cho cất nhà để ở từ năm 2002. Tuy nhiên, khi vợ chồng bà H và ông Khởi kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất thì trên đất đã có các căn nhà của ông H1, ông L đang sử dụng để ở. Ủy ban nhân dân huyện Long Phú chưa xem xét hiện trạng và quá trình sử dụng đất lại cấp quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Khởi, bà H là chưa đúng quy định của pháp luật về đất đai. Các bị đơn đều không biết việc vợ chồng ông Khởi và bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông H1 và ông L có yêu cầu phản tố công nhận diện tích đất gắn liền với căn nhà và cả phần đất làm lối đi ra đường công cộng. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu phản tố của các bị đơn đối với diện tích đất là lối đi là chưa giải quyết triệt để vụ án. Do đó đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông H1, ông L di dời nhà trả lại đất do bà H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn ông Cô Văn H1, Cô Văn L có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ GCN: CS02249 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Scáp cho bà Nguyễn Thị H vào ngày 26/01/2018 với diện tích đất 3.980,7m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 251, tờ bản đồ số 50, tọa lạc tại ấp Đ , thị trấn T, huyện T, tỉnh Svà yêu cầu công nhận cho ông H1 được quyền sử dụng phần đất 110m<sup>2</sup> đất bao gồm lối đi ra lộ và yêu cầu công nhận cho ông L được quyền sử dụng phần đất 80,25m<sup>2</sup> bao gồm luôn phần sân phía trước nhà.

Trong quá trình thu thập chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét, thẩm định đo đạc để xác định phần đất có yêu cầu phản tố của bị đơn ông H1 yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất 110m<sup>2</sup> đất bao gồm lối đi ra lộ và yêu cầu phản tố của ông L yêu cầu được công nhận quyền sử dụng phần đất 80,25m<sup>2</sup> bao gồm luôn phần sân phía trước nhà. Tại sơ đồ hiện trạng thửa đất (BL số 355) do Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Phú Thành chỉ thể hiện căn nhà của ông H1 có vị trí phía sau nhà của bà Nguyễn Thị H; nhà của ông L có vị trí giáp với nhà ông Minh. Ngoài ra không thể hiện diện tích đất làm lối đi của bị đơn ông H1 và diện tích sân phía trước nhà của ông L.

Tại biên bản đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 10-12-2019 chỉ xác định nhà của ông H1: Nhà trước có chiều ngang phía trước 4,2m, chiều ngang phía sau 7,7m, diện tích 49,98 m<sup>2</sup>, nhà sau có chiều ngang 3,3m, chiều dài 7m, diện tích 23, m<sup>2</sup>; nhà của ông L: Nhà trước có chiều ngang 4,5m, chiều dài 9,7m, diện tích 43,65 m<sup>2</sup>, nhà sau: 3,8m x 4,4m, diện tích 16,72m<sup>2</sup>.

Án sơ thẩm nhận định tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông H1, ông L rút một phần yêu cầu phản tố về việc công nhận quyền sử dụng đất, nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ việc xét xử đối với việc rút yêu cầu của ông H1, ông L.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông L và ông H1 không thừa nhận việc rút yêu cầu phản tố và yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho các bị đơn có gắn căn nhà đang sử dụng và phần đất làm lối đi ra đường công cộng vì gia đình ông H1 không có lối đi nào khác ngoài lối đi hiện trạng đang sử dụng. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có ông Cô Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu ông H1 và ông L di dời nhà trả đất. Trong trường hợp không được Tòa án chấp nhận kháng cáo thì nguyên đơn bà H cũng không đồng ý cho bị đơn sử dụng lối đi nhờ qua đất của bà H để đi ra đường công cộng vì các phát bên đã phát sinh mâu thuẫn.

Xét thấy hai căn nhà của ông H1, ông L thuộc thửa 251, vị trí nhà không tiếp giáp với đường công cộng. Khi giải quyết việc tranh chấp quyền sử dụng đất có gắn căn nhà và yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đất làm lối đi theo hiện trạng sử dụng để đi ra từ nhà ra đường công cộng là chính đáng, cần được thu thập chứng cứ và xem xét giải quyết trong cùng vụ án mới đảm bảo việc giải quyết vụ án được chính xác, triệt để đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Do hủy án sơ thẩm nên chưa xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị H.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 14/2020/DSST ngày 15/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Svà chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Sgiải quyết lại vụ án theo theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004045 ngày 08/7/2020 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Trần Thị Thúy Hồng**